TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN A
TỈNH BẠC LIÊU

Bản án số: 29/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 28/3/2023
V/v ly hôn, nợ chung khi ly hôn

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh H

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN A, TỈNH BẠC LIÊU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Hoàng Yến

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Đào Văn Vĩnh
2. Bà Trần Thị Phương Anh

- *Thư ký phiên tòa*: Ông Nguyễn Văn Nhựt, Thư ký Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh Bạc Liêu.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện A, tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa:* Bà Trịnh Thị Mỹ Tiên, Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh Bạc Liêu xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số 238/2022/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 11 năm 2023 về việc ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 14/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 03 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Huỳnh Văn B, sinh năm 1965. Địa chỉ: Ấp C, thị trấn D, huyện A, tỉnh Bạc Liêu (Có mặt).

- Bị đơn: Bà Lê Kim E, sinh năm 1965, địa chỉ: Ấp C, thị trấn D, huyện A, tỉnh Bạc Liêu (Có mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Phạm Thúy G, sinh năm 1977 và ông Trương Hoàng H, sinh năm 1974, địa chỉ: Ấp I, xã D A, huyện A, tỉnh Bạc Liêu. Người đại diện theo ủy quyền của ông Trương Hoàng H: Bà Phạm Thúy G, sinh năm 1977, địa chỉ: Ấp I, xã D A, huyện A, tỉnh Bạc Liêu (Có đơn xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 15/11/2022, các biên bản lấy lời khai và tại phiên tòa ngày hôm nay, nguyên đơn, ông Huỳnh Văn B trình bày: Ông và bà Lê Kim E chung sống với nhau năm 1986, có tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương. Đến năm 2015, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn D, huyện A, tỉnh Bạc Liêu và đã được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 23/2015, quyển số 01/2015, ngày 12/02/2015.

Nguyên nhân ly hôn là do vợ chồng chung sống nhưng không có tình cảm, không ai quan tâm đến ai, vợ chồng thường xảy ra cự cãi, cuộc sống chung không có hạnh H, vợ chồng ông đã sống ly thân sáu tháng nay, không có biện pháp gì để hàn gắn, vợ chồng không thể tiếp tục chung sống nên ông yêu cầu được ly hôn với bà Lê Kim E, không yêu cầu đoàn tụ.

Ông và bà Lê Kim E có 03 người con chung gồm:

1. Huỳnh Bá K, sinh năm 1988

2. Huỳnh Thị Kim L, sinh năm 1991

3. Huỳnh Thị Kim M, sinh năm 1992.

Các con đã trưởng thành, có cuộc sống riêng.

Ông là con trai út sống chung với cha mẹ nên được cha mẹ cho đứng tên một số tài sản như 14 công tầm cấy đất trồng lúa, 02 cái nền nhưng do bà E gây nợ nên đã bán hết cách đây khoảng 10 năm, hiện nay không còn tài sản nào khác. Căn nhà hiện nay bà E và con trai Huỳnh Bá K sinh sống là của cha mẹ ông cho ông nhưng ông đã chuyển tên cho Huỳnh Bá K đứng tên quyền sở hữu. Ông và bà E không còn tài sản chung.

Về nợ chung ông và bà E có thiếu nợ tiền thức ăn gia súc, gia cầm của bà Phạm Thúy G, ông Trương Hoàng H số tiền 24.268.000 đồng, ông tự nguyện có trách nhiệm thanh toán số tiền này, không yêu cầu bà E cùng thanh toán. Ngoài ra, ông và bà E không còn khoản nợ chung nào khác.

Theo bị đơn bà Lê Kim E trình bày: Bà thống nhất với ông Huỳnh Văn B về hôn nhân, con chung, tài sản chung và nợ chung. Bà đồng ý ly hôn với ông B, con chung đã trưởng thành, tài sản chung không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đối với tiền nợ thức ăn gia súc, gia cầm của bà Phạm Thúy G, ông Trương Hoàng H số tiền 24.268.000 đồng, bà đề nghị ông B có trách nhiệm thanh toán toàn bộ vì hiện nay cuộc sống bà gặp khó khăn, không có nghề nghiệp, không có thu nhập phải sống dựa vào con.

Theo bà Phạm Thúy G – Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và là người đại diện theo ủy quyền của ông Trương Hoàng H trình bày: Vợ chồng bà có giao dịch mua bán thức ăn gia súc, gia cầm cho vợ chồng ông Huỳnh Văn B, bà Lê Kim E. Giao dịch nhiều lần, thỏa thuận lúc đầu là thanh toán tiền mặt, không thiếu. Đến cuối năm 2016, bà E mua 100 bao thức ăn gia súc, gia cầm, giao thành 02 đợt, đợt 1 giao ngày 14/12/2016 giao 50 bao; đợt 2 ngày 18/12/2016 giao 50 bao, tổng số tiền là 24.680.000 đồng. Nay bà đồng ý chỉ yêu cầu ông Huỳnh Văn B có trách nhiệm thanh toán tiền mua thức ăn gia súc, gia cầm còn nợ là 24.680.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện A, tỉnh Bạc Liêu phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến giải quyết vụ án về nội dung như sau:

Về tố tụng: Thẩm phán, Thư ký phiên tòa và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình được quy định tại các điều 70, 71, 73 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn không thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình được quy định tại các điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; căn cứ Điều 430, Điều 440 Bộ luật Dân sự, Điều 8, Điều 9, Điều 51, Điều 53, Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình, đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện ly hôn của ông Huỳnh Văn B và bà Lê Kim E. Con chung đã trưởng thành không xem xét, giải quyết, tài sản chung không có, buộc ông B có trách nhiệm thanh toán tiền mua thức ăn gia súc, gia cầm cho bà Phạm Thúy G, ông Trương Hoàng H số tiền 24.680.000 đồng. Án phí ông B phải chịu theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Ông Huỳnh Văn B yêu cầu ly hôn với bà Lê Kim E, hiện nay bà E đang cư trú tại ấp C, thị trấn D, huyện A, tỉnh Bạc Liêu nên Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh Bạc Liêu thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Ông Huỳnh Văn B, bà Lê Kim E có mặt, bà Phạm Thúy G có đơn xin xét xử vắng mặt nên Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bà G theo quy định tại khoản 1, điểm d khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Ông Huỳnh Văn B và bà Lê Kim E chung sống với nhau năm 1986, có tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương. Đến năm 2015, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn D, huyện A, tỉnh Bạc Liêu và đã được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 23/2015, quyển số 01/2015, ngày 12/02/2015. Do đó, có cơ sở xác định quan hệ hôn nhân giữa B và bà E là hôn nhân hợp pháp được quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, ông B và bà E đã sống ly thân sáu tháng nay, không có biện pháp gì để hàn gắn nên ông B yêu cầu ly hôn với bà E. Tại phiên tòa ngày hôm nay, bà E đồng ý ly hôn với ông B, không yêu cầu đoàn tụ. Vì vậy, cần ghi nhận sự tự nguyện ly hôn giữa ông B và bà E.

[5] Về con chung: Ông B và bà E chung sống có 03 con chung: Huỳnh Bá K, sinh năm 1988, Huỳnh Thị Kim L, sinh năm 1991, Huỳnh Thị Kim M, sinh năm 1992. Các

con đã trưởng thành, có cuộc sống riên nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[6] Về tài sản chung: Hiện nay ông và bà E không còn tài sản chung, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét, giải quyết.

[7] Về nợ chung: Ông B và bà E thống nhất có nợ tiền thức ăn gia súc, gia cầm của bà Phạm Thúy G, ông Trương Hoàng H số tiền 24.680.000 đồng, ông B tự nguyện có nghĩa vụ thanh toán số tiền này cho bà G, ông H. Bà G đồng ý chỉ yêu cầu ông B thanh toán nợ, không yêu cầu bà E cùng có nghĩa vụ thanh toán. Do đó, ông B có nghĩa vụ thanh toán cho ông H, bà G số tiền mua thức ăn gia súc, gia cầm còn nợ là 24.680.000 đồng, bà G, ông H không yêu cầu tính lãi.

[8] Tại phiên tòa ngày 28/02/2023, bà E xác định vợ chồng bà có nợ G hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam – chi nhánh Bạc Liêu số tiền vốn 100.000.000 đồng, bà E yêu cầu ông B cùng có trách nhiệm thanh toán. Ngày 10/3/2023, Tòa án đã có văn bản yêu cầu G hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam – chi nhánh Bạc Liêu xác định ông B, bà E có vay vốn của G hàng không. Ngày 14/3/2023, G hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam – chi nhánh Bạc Liêu có văn bản số 168/NHNo.VL xác định ông B, bà E không có vay vốn tại G hàng. Mặc khác, tại phiên tòa hôm nay, bà E xác định vợ chồng bà không vay vốn tại G hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam – chi nhánh Bạc Liêu, khoản vay này do con trai bà là Huỳnh Bá K đứng tên vay nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[9] Về án phí hôn nhân gia đình không có giá ngạch: Ông B phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn được chấp nhận số tiền 300.000 đồng; ông B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch đối với số tiền phải thanh toán cho bà G, ông H là 5% x 24.680.000 đồng = 1.234.000 đồng. Ông B đã nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng tại Biên lai thu tạm ứng án phí, E phí Tòa án số 0001311 ngày 25/11/2022 được chuyển thu án phí, ông B phải nộp tiếp số tiền 1.234.000 đồng. Yêu cầu khởi kiện của bà G, ông H được chấp nhận nên bà G, ông H không phải nộp tiền án phí. Bà G, ông H đã nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng tại Biên lai thu tạm ứng án phí, E phí Tòa án số 0001478 ngày 09/3/2023 được hoàn lại.

[10] Các quan điểm đề xuất việc giải quyết vụ án của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện A, tỉnh Bạc Liêu tại phiên tòa, như đã phân tích, là có căn cứ nên cần chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1, điểm d khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Căn cứ vào Điều 430, Điều 440 Bộ luật Dân sự, Điều 8, Điều 9, Điều 51, Điều 55 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Căn cứ vào điểm a

khoản 1 Điều 24, khoản 6 Điều 26, điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và E phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Ghi nhận sự tự nguyện ly hôn của ông Huỳnh Văn B và bà Lê Kim E.

2. Về con chung: Đã trưởng thành nên không xem xét, giải quyết.

3. Về tài sản chung: Không có

4. Về nợ chung: Ông Huỳnh Văn B có trách nhiệm thanh toán cho ông bà Phạm Thúy G, ông Trương Hoàng H số tiền 24.680.000 đồng (Hai mươi bốn triệu sáu trăm tám mươi nghìn đồng).

5. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

7. Về án phí: Ông Huỳnh Văn B chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn được chấp nhận số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng); ông B phải chịu án phí dân sự có giá ngạch đối với số tiền phải thanh toán cho bà G, ông H là 1.234.000 đồng (Một triệu hai trăm ba mươi bốn nghìn đồng). Ông B đã nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tại Biên lai thu tạm ứng án phí, E phí Tòa án số 0001311 ngày 25/11/2022 được chuyển thu án phí, ông B phải nộp tiếp số tiền 1.234.000 đồng (Một triệu hai trăm ba mươi bốn nghìn đồng) tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện A, tỉnh Bạc Liêu. Bà G, ông H đã nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tại Biên lai thu tạm ứng án phí, E phí Tòa án số 0001478 ngày 09/3/2023 được hoàn lại tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện A, tỉnh Bạc Liêu.

8. Về quyền kháng cáo: Ông Huỳnh Văn B, bà Lê Kim E có quyền kháng cáo trong hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Ông Trương Hoàng H, bà Phạm Thúy G có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp E.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

***Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh Bạc Liêu;;

- VKSND huyện A;
- Chi cục THADS huyện A
- UBND tt D, huyện A;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

Lê Thị Hoàng Yến

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN**
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Bị đơn ông Trần Văn H vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án.

[1] Bà Phan Thị Bích Đ khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Trần Văn H. Ông H có nơi cư trú tại huyện Bình Chánh nên căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh. 3

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN**
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA